



BẢN TỰ CÔNG BỐ

**NƯỚC CHẤM CHAY
SEN VÀNG**

THÁNG 09/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07 /PTMN/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ.

Địa chỉ: Lô 47-48 Khu chế biến Nước mắm, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: 02523. 813. 156 Fax: 02523. 710169

Email: info@nuocmamphanthietmuine.com

Mã số doanh nghiệp: 3401 108 327

Số Giấy chứng nhận hệ thống phân tích môi nguy và Kiểm soát điểm tới hạn theo yêu cầu của HACCP Codex Alimentarius: 4794/QĐ-QUACERT.

Ngày cấp: 31/08/2018

Nơi cấp: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT).

1. Tên sản phẩm: NƯỚC CHẤM CHAY SEN VÀNG

2. Thành phần:

- Thành phần chính (> 98%): Nước cốt thơm, muối tinh, nước cốt đậu nành, đường nước, chiết xuất nấm men.
- Thành phần khác (< 2%): Chất điều vị (INS 621, 627, 631), chất tạo ngọt (INS 955), chất bảo quản (INS 211), màu thực phẩm (INS 110) hương Fish sauce Flavor SC 172139.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 12 tháng , kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) được ghi trên nắp chai, nhãn hoặc trên chai và được ghi trên thùng giấy carton.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói:

- Nước chấm chay được chứa đựng trong chai thủy tinh có thể tích thực: 250 ml, 310 ml, 500 ml, 520 ml, 730 ml.
- Nước chấm chay được chứa đựng trong chai PET/can nhựa có thể tích thực: 250 ml, 330 ml, 500 ml, 520 ml, 750 ml, 900 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít và các can nhựa 20 lít, 30 lít.

- Các chai thủy tinh, chai PET đựng nước chấm chay đóng trong hộp/ thùng carton theo quy cách như sau:

04 chai x 250ml	24 chai x 250ml
04 chai x 310ml	18 chai x 310ml
02 chai x 500ml	12 chai x 500ml
02 chai x 520ml	12 chai x 520ml
12 chai x 730ml	
02 chai x 330ml	24 chai x 330ml
02 chai x 500ml	24 chai x 500ml
02 chai x 750ml	15 chai x 750ml
12 chai x 900ml	12 chai x 1 lít
06 chai x 2 lít	
04 hai x 5 lít	

Can nhựa: 20 lít, 30 lít

4.2 Chất liệu bao bì:

Bao bì chứa đựng trực tiếp nước chấm chay là các chai:

- Chai thủy tinh thể tích: 250 ml, 310 ml, 500 ml, 520 ml, 730 ml.
- Chai nhựa PET/can nhựa có thể tích thực: 250 ml, 330 ml, 500 ml, 750ml, 900 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít và các can nhựa 20 lít, 30 lít.
- Bao bì ngoài chứa đựng nhiều chai thủy tinh, chai PET là thùng giấy carton.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ

Địa chỉ: Lô 47-48 KCB NƯỚC MẮM, P. PHÚ HẢI, TP PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

NƯỚC CHẤM CHAY

Đen Vàng



Nước chấm chay được sản xuất từ nước cốt quả thơm pha trộn cùng nước cốt đậu nành với vị ngọt thanh mát hòa quyện với hương thơm đặc sắc của các loại thảo mộc và gia vị, mang đến cảm nhận hương vị tự nhiên cho người tiêu dùng.

Nước chấm chay thích hợp cho người ăn chay, thực dưỡng. Đặc biệt, nước chấm chay thơm ngon được sử dụng để làm nguyên liệu và gia vị chế biến các món chay.

Sản phẩm của:

HỒ KHINH DOANH LÝ HÒA

Địa chỉ: T.Đ 24, K11 Nguyễn Như Hạnh (hửa đất số 26 từ bản đồ số 99, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại: 0814 193 979 - 0799 331 515

Sản xuất và đóng chai tại:

Công ty CP Chế biến và Xuất khẩu nước mắm Phan Thiết - Mũi Né

Địa chỉ: Lô 47- 48 Khu chế biến nước mắm, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Sản xuất tại Việt Nam

NƯỚC CHẤM CHAY

Đen Vàng

Số công bố: 07/PTMN/2021

Thành phần cấu tạo:

Thành phần chính (>98%): Nước cốt thơm, muối tinh, nước cốt đậu nành, đường nước, chiết xuất nấm men.

Thành phần khác (<2%): Chất điều vị (INS 621, 627, 691), chất bảo quản (INS 221), chất tạo ngọt (INS 955), màu thực phẩm (INS 110).

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng để chấm hoặc làm gia vị món ăn chay.

Hướng dẫn bảo quản:

Nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, đậy kín nắp sau khi mở ra sử dụng.

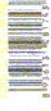
Sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.

Thông tin cảnh báo:

Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm với các thành phần của sản phẩm.

MSX: Xem trên bao bì

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan: theo tiêu chuẩn Việt Nam 5107 : 2018

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Nâu vàng.
2	Độ trong	Trong, không vẩn đục.
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng.
4	Vị	Không mặn chát, không có vị lạ.
5	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không có

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng: theo tiêu chuẩn cơ sở

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng muối NaCl trong khoáng	g/l	180 - 260

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: theo QCVN 8-2:2011/BYT

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng Chì	mg/L	≤ 2.0
2	Hàm lượng arsen vô cơ	mg/L	≤ 1.0
3	Hàm lượng cadimi	mg/L	≤ 1.0
4	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	≤ 0.05

1.4. Các chỉ tiêu vi sinh : Theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ban hành 19/12/2007

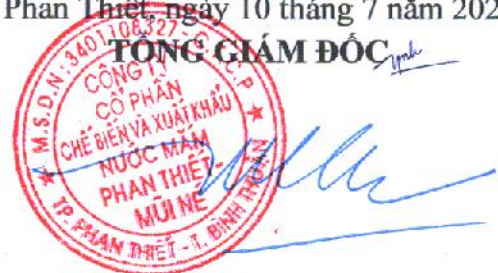
STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/mL	$\leq 10^4$
2	Coliforms	CFU/mL	$\leq 10^2$
3	Clostridium perfringens	CFU/mL	≤ 10
4	Echerichia Coli	MPN/mL	0
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	≤ 3
6	Tổng số bào tử nấm men-mốc	CFU/mL	≤ 10
7	Salmonella	PH/25mL	0

1.5 Dư lượng thuốc BVTV: Theo thông tư 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Carbendazim	mg/L	≤ 5
2	Clothianidin	mg/L	≤ 0.01
3	Diazinon	mg/L	≤ 0.1
4	Dimethomorph	mg/L	≤ 0.01
5	Disulfoton	mg/L	≤ 0.1
6	Ethephon	mg/L	≤ 2
7	Heptachlor	mg/L	≤ 0.01
8	Metalaxyl	mg/L	≤ 0.1
9	Methidation	mg/L	≤ 0.05
10	Propiconazole	mg/L	≤ 0.02
11	Thiamethoxam	mg/L	≤ 0.01
12	Triadimefon	mg/L	≤ 5
13	Triadimenol	mg/L	≤ 5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Phan Thiết, ngày 10 tháng 7 năm 2021



Lê Thị Mỹ



BẢN SAO

VILAS 266

VIMCERTS 129

Head Office: 04 Nguyễn Hải Street, Phan Thiết City, Bình Thuận Province Tel: 0252.3822390 Fax: 0252.3822390 Website: tcbinhthuan.vn

Số: 20083636

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 TEST REPORT**

Ngày/Date: 10/09/2020

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÈ**

Địa chỉ/ Address: **LÔ 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, P. PHÚ HẢI, TP. PHAN THIẾT, T. BÌNH THUẬN**

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: **31/08/2020**

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: **10/09/2020**

Tên mẫu/ Sample name: **NƯỚC CHẤM CHAY**

Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong chai nhựa** Số lượng/ Quantity: **01**

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Natri clorua (NaCl)	g/L	210,6	TCVN 3701:2009 (*)
02	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	Ref.AOAC 986.15
03	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,05)	Ref.AOAC 986.15
04	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	TCVN 7604:2007
05	Arsen vô cơ	mg/L	KPH (LOD=0,02)	TCVN 12346:2018
06	Clostridium perfringens	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4991:2005 (*)
07	Coliform tổng	CFU/ml	< 1,0	TCVN 6848:2007 (*)
08	Định lượng tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	< 1,0	TCVN 8275-1:2010 (*)
09	Escherichia coli	MPN/ml	0	TCVN 6846:2007 (*)
10	Salmonella	PH/25ml	KPH	TCVN 10780-1:2017 (*)
11	Staphylococcus aureus	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4830-1:2005 (*)
12	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	1,2 x 10 ²	TCVN 4884-2:2015 (*)
13	Carbendazim	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
14	Clothianidin	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
15	Diazinon	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01-LC/MS/MS)
16	Dimethomorph	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
17	Disulfoton	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
18	Ethephon	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
19	Heptachlor	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.011/2019 (Ref.AOAC 2007.01- GC/ECD)
20	Metalaxyl	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
21	Methidathion	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
22	Propiconazole	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.015/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
23	Thiamethoxam	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
24	Triadimenol	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
25	Triadimefon	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
26	Cảm quan		Màu sắc: Nâu vàng. Độ trong: Trong, không vẩn đục. Mùi: Mùi thơm đặc trưng. Vị: Không mặn chát, không có vị lạ. Tập chất nhìn thấy bằng mắt thường không có.	TCVN 3215:1979

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory

(Signature)
Nguyễn Thành Tín

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY 23-10-2020



PHÓ CHỦ TỊCH
(Signature)
Bùi Thị Hiền

GIÁM ĐỐC
Director



(Signature)
Ngô Minh Toàn

Ghi chú/Remarks

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample.
2. Thời gian lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày ban hành kết quả/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's pronouncement). Hội đồng lưu mẫu của Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/When sample storing period expires, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for complaining of complain.
3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client.
5. (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS.
6. (*) Kết quả được thử hiệu bởi nhà điều hành phụ thuộc/Results are tested by subcontractor.
7. LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/Not detected.